UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG CẦU THIA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 916/QĐ-UBND	*Cầu Thia, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Nhà văn hóa TDP Viềng Công, phường Cầu Thia, tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẦU THIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cầu Thia về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 và phê duyệt danh mục dự án sử dụng kinh phí Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, thực hiện năm 2026-2027 – phường Cầu Thia;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cầu Thia về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phường Cầu Thia;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng phường Cầu Thia tại Tờ trình số 114/TTr-KTHT ngày 21/10/2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Nhà văn hóa TDP Viềng Công, với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Nhà văn hóa TDP Viềng Công.

Scanned with CamScanner

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng.

- Nhóm dự án: nhóm C.

- Loại công trình chính: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình chính: Cấp III.

3. Mã định danh: Chưa có; sẽ được cập nhật trên Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Cầu Thia, tỉnh Lào Cai.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Cầu Thia.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng phường Cầu Thia.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Nam Thắng; mã số doanh nghiệp: 5200325565.

8. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng mới Nhà văn hóa Tổ dân phố Viềng Công nhằm đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa của nhân dân; góp phần hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở, nâng cao đời sống tinh thần và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1 Xây mới nhà văn hoá:

a, Quy mô, giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Diện tích xây dựng: 360m2.

- Nhà cấp III, 1 tầng, gồm có 5 gian 3,9m, gian sân khấu rộng 4,5m, hành lang rộng 2,1m, lòng nhà phòng hội trường rộng 11m. Phòng hội trường, chiều cao từ nền nhà đến trần là 4,5m, hành lang và các phòng cao 3,4m, chiều cao từ chân mái đến đỉnh mái là 1,8m, cos nền nhà cao hơn cos sân 0,75m, nền sân khấu cao hơn nền nhà 0,45m, tổng chiều cao nhà là 7,05m (từ cos sân đến đỉnh mái).

b, Giải pháp thiết kế kết cấu:

- Kết cấu khung BTCT chịu lực, tường xây bao xung quanh. Sàn, mái đổ bê tông cốt thép toàn khối M200 đá 1x2 dày 100mm.

- Móng trụ bê tông cốt thép M200 đá 1x2, bê tông lót móng M100 dày 50mm.

- Hệ dầm móng đổ bê tông cốt thép M200 đá 1x2, lót dầm móng bằng bê tông lót móng M100 dày 50mm.

- Tường móng xây gạch đặc không nung M100, vữa xi măng M50. Tường nhà xây gạch M75, vữa xi măng M50 dày 220mm.

- Các kết cấu bê tông cột, dầm, lanh tô toàn nhà sử dụng bê tông cốt thép M200

- Mái sử dụng hệ vì kèo khung thép hộp mạ kẽm (100x50x3)mm. Mái lợp tôn sóng thẳng mạ màu dày 0,45mm. Xà gồ thép hộp mạ kẽm (40x80x1.4)mm,

Scanned with CamScanner

Vì kèo thép hộp mạ kẽm liên kết hàn trực tiếp, liên kết với trụ BTCT bằng mặt bích bắt bulong cắm thẳng vào trụ.

c, Giải pháp vật liệu hoàn thiện:

- Tường nhà trát vữa XM M50 dày 20mm, trần trát vữa XM M75 dày 15mm. Chân tường ốp gạch (150x600)mm. Nền nhà lát gạch (800x800)mm, lót vữa xi măng M75 dày 20mm, bê tông lót M150 dày 50mm. Bậc sảnh, bậc hành lang và sân khấu ốp lát đá granite, lót vữa xi măng M75 dày 20mm, bậc xây gạch M75, vữa xi măng M50.

- Trần phòng hội trường và sân khấu đóng trần nhôm đục lỗ tấm (600x600)mm xương thép, hành lang đóng trần nhựa Composite giả gỗ lam sóng.

- Toàn bộ hệ thống cửa đi cửa sổ làm bằng khung nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm, cửa sổ có lắp hoa inox hộp (40x40x1.2)mm và (20x40x1.1)mm.

- Toàn nhà sơn phủ 3 nước (1 nước lót, 2 nước màu) theo màu chỉ định.

d, Cấp điện, thu sét tiếp địa:

- Điện chiếu sáng: Lắp đặt hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp công năng sử dụng, đảm bảo tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành. Nguồn điện sử dụng cho công trình lấy từ lưới điện quốc gia đã có của công trình; dây dẫn điện từ nguồn cung cấp điện về công trình (tủ điện tổng) sử dụng dây CU/PVC 2x10mm2. Dây trục CU/PVC 2x6mm2, dây dẫn đến các thiết bị sử dụng CU/PVC 2x2.5mm2 và 2x1.5mm2; toàn bộ dây dẫn điện đặt trong ống gen nhựa đi chìm trên tường và trần. Các thiết bị điện sử dụng chủng loại sản xuất trong nước, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Thu sét, tiếp địa: Lắp đặt kim thu sét trên mái Φ18 cao 1,5m; dây dẫn trên mái Φ10; dây dẫn tiếp địa Φ14 chôn sâu 0,8m; cọc tiếp địa L(63x63x6)mm dài 2,0m, điện trở tiếp đất $R \leq 10\Omega$.

- Hệ thống PCCC: Lắp đặt nội quy, tiêu lệnh chữa cháy, thiết bị, phương tiện chữa cháy cầm tay phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

9.2 Hạng mục phụ trợ:

9.2.1. Làm mới sân bê tông: diện tích 850m2. Lót cát tạo phẳng dày 50mm, đổ bê tông M200 dày 100mm, cắt mạch phòng lún khẩu độ 4mx4m.

9.2.2. Xây mới hàng rào: chiều dài 11m. Hàng rào cao 1,8m xây gạch M75, vữa XM M50 dày 110mm nảy trụ (220x220)mm khẩu độ 3m, cứ 3 khoang bố trí 1 khe phòng lún, móng rào xây gạch M100, vữa XM M50. Giằng móng bằng BTCT M200

9.2.3. Xây mới cổng vào: Cổng vào lối chính rộng 4,8m cao 4,5m, lối phụ rộng 2,085m. Trụ và mái cổng đổ BTCT M200, móng trụ đổ BTCT M200. 2 bên xây tường gạch dày 110mm cao 1,8m, tường xây gạch M75, vữa XM M50 móng xây gạch M100, vữa XM M50. Cánh cổng bằng sắt hộp liên kết bản lề trực tiếp vào trụ cổng, chân cánh cổng có bánh xe xoay tròn. Biển tên bằng khung inox hộp, mặt ốp tấm tôn màu xanh, chữ hộp aluminium màu đỏ. Mặt tường trát vữa

Scanned with CamScanner

XM M50 dày 20mm, trần trát vữa XM M75 dày 15mm cổng, sơn phủ 3 lớp toàn bộ cổng.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 9362-2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền, nhà và công trình.
- TCVN 9363:2012 – Khảo sát cho xây dựng, khảo sát địa kỹ thuật nhà cao tầng.
- TCVN 9437:2012 - Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.
- TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động.
- TCVN 4085:2011- Kết cấu gạch đá.
- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7570:2006 - Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 2682:2009 - Xi măng poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 6260 : 2009 - Xi măng poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 6016:2011 - Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ
- TCVN 4055:2012 - Tổ chức thi công
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu
- TCVN 4506 : 2012 - Nước cho bê tông và vữa- theo yêu cầu kỹ thuật
- TCVN 9382:2012 - Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền
- TCVN 5573:2011 - Thiết kế kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép
- TCVN 13983 - 2025 Chiếu sáng nhân tạo trong nhà ở và công trình dân dụng.
- TCVN 394: 2007 - Tiêu chuẩn thiết kế lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng, phần an toàn điện.
- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và CTCC TCTK.
- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCXDVN 9385-2012 Chống sét cho công trình xây dựng.
- TCVN 5687-2010: Thông gió, điều hòa không khí □ Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài.
- QCVN07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy-phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-trang bị, bố trí.
- Nghị định 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
- Thông tư 103/2025/TT-BCA Trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn cho nhà và công trình
- Và các tiêu chuẩn, quy định hiện hành, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác.

Scanned with CamScanner

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 3.500.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng).*

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	2.758.747.080 đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	126.939.345 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư:	292.348.901 đồng
+ Chi phí khác:	20.682.090 đồng
+ Chi phí dự phòng:	301.282.584 đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Dự kiến bố trí vốn: Bố trí trong năm 2026 và 2027.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Nội dung khác: Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng phường Cầu Thia (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

- Các công việc khác: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng phường Cầu Thia, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Văn Chấn, Công ty TNHH Nam Thắng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực IX - Phòng Giao dịch số 1;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG CẦU THIA T. YÊN BÁI

Hoàng Thị Lý

Scanned with CamScanner

PHỤ BIỂU

CÔNG TRÌNH: NHÀ VĂN HÓA TDP VIỀNG CÔNG

(Kèm theo Quyết định số 916/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường Cầu Thia ngày 23 tháng 10 năm 2026)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**Gcpxd**		**2.554.395.444**	**204.351.636**	**2.758.747.080**
1	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**		**2.526.524.178**	**202.121.934**	**2.728.646.112**
1.1	Xây lắp nhà văn hóa		Dự toán chi tiết	2.136.250.660	170.900.053	2.307.150.713
1.2	Hạ tầng kỹ thuật		Dự toán chi tiết	390.273.518	31.221.881	421.495.399
2	**Chi phí nhà tạm để điều hành và thi công xây dựng**	**Gnt**		**27.871.266**	**2.229.702**	**30.100.968**
2.1	Xây lắp nhà văn hóa		Dự toán chi tiết	23.498.757	1.879.901	25.378.658
2.2	Hạ tầng kỹ thuật		Dự toán chi tiết	4.372.509	349.801	4.722.310
II	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**Gqlda**	**Gxdtt x 3,466% x 1,35**	**117.536.431**	**9.402.914**	**126.939.345**
III	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ**	**Gtv**	**(1+2+3+4)**	**268.849.065**	**23.499.836**	**292.348.901**
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gt1	Gxd x 5,101%	128.877.998	10.310.240	139.188.238
2	Chi phí khảo sát địa chất	Gtv2	Dự toán chi tiết	27.540.741	2.203.259	29.744.000
3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	Gtv3	Gxdtt x 0,508%	12.834.743	1.026.779	13.861.522
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv4	Gxdtt x 3,285% x 1,2	99.595.583	9.959.558	109.555.141
IV	**CHI PHÍ KHÁC**	**Gk**	**(1+2+3)**	**20.479.968**	**202.122**	**20.682.090**
1	Phí bảo hiểm công trình	Gk1	Gxdtt x 0,1%	2.021.219	202.122	2.223.341
2	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	Gk2	Tối thiểu	500.000		500.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk3	TMĐTSLT*0,57%	17.958.749		17.958.749
V	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**					**301.282.584**
	TỔNG CỘNG		**(I+II+III+IV+V)**			**3.500.000.000**

Scanned with CamScanner